

Lòng tin chiến lược trong quan hệ quốc tế: Trường hợp xung đột biên giới Trung - Ấn tại Galwan

Nguyễn Quang Anh^a

Tóm tắt:

Bài viết phân tích vấn đề lòng tin trong quan hệ quốc tế thông qua trường hợp xung đột Trung - Ấn tại thung lũng Galwan năm 2020. Nghiên cứu đặt ra câu hỏi vì sao và bằng cách nào lòng tin giữa Trung Quốc và Ấn Độ sụp đổ và chuyển hóa thành leo thang xung đột, dù hai bên vẫn duy trì các cơ chế kiểm soát rủi ro và đối thoại song phương. Bài viết sử dụng khung phân tích tích hợp, kết hợp chủ nghĩa duy lý, chủ nghĩa kiến tạo và tâm lý học chính trị, dựa trên phân tích định tính các văn bản chính thức, diễn ngôn chính trị, tài liệu học thuật và nguồn báo chí liên quan đến Galwan. Kết quả cho thấy sự đổ vỡ lòng tin không chỉ bắt nguồn từ khác biệt lợi ích vật chất, mà còn từ các tự sự chủ quyền không tương thích và các thiên kiến nhận thức trong điều kiện khủng hoảng. Khi cảm xúc chính trị và áp lực danh tiếng gia tăng, các cơ chế xây dựng lòng tin bị vô hiệu hóa, khiến nhượng bộ trở nên khó chấp nhận. Bài viết kết luận rằng lòng tin là một hiện tượng đa tầng, và việc thiếu củng cố đồng bộ ở các cấp độ chiến lược, xã hội và tâm lý đã đẩy quan hệ Trung - Ấn vào trạng thái ngờ vực kéo dài sau Galwan.

Từ khóa: lòng tin, ngờ vực, quan hệ Trung - Ấn, thung lũng Galwan, xung đột

^a Học viện Ngoại giao; 69 Chùa Láng, phường Đống Đa, TP. Hà Nội. e-mail: anhquangng.work@gmail.com

Trust in International Relations: The China-India Galwan Conflict.

Nguyen Quang Anh^a

Abstract:

This article examines the problem of trust in international relations through the case of the 2020 China-India conflict in the Galwan Valley. It asks why and how trust between China and India collapsed and was transformed into conflict escalation, despite the continued existence of bilateral risk-management mechanisms and dialogue channels. The study employs an integrated analytical framework that combines rationalist, constructivist, and political psychology approaches, drawing on qualitative analysis of official documents, political discourse, academic literature, and media sources related to the Galwan incident. The findings demonstrate that the breakdown of trust did not stem solely from divergent material interests, but also from incompatible sovereignty narratives and cognitive biases operating under crisis conditions. As political emotions and reputation pressures intensified, confidence-building mechanisms were rendered ineffective, making compromise politically and psychologically unacceptable. The article concludes that trust is a multi-layered phenomenon, and that the lack of coordinated reinforcement at the strategic, social, and psychological levels has driven China-India relations into a prolonged state of mutual suspicion in the aftermath of Galwan.

Keywords: *China-India relations, conflict, Galwan Valley, trust, suspicion*

Received: 30.1.2026. **Accepted:** 15.4.2026. **Published:** 30.4.2026

DOI: 10.59907/daujs.5.2.2026.563

^a Diplomatic Academy of Vietnam; 69 Chua Lang Street, Dong Da Ward, Hanoi City, Vietnam.
e-mail: anhquangng.work@gmail.com

Mở đầu

Lòng tin là một khái niệm quan trọng trong nghiên cứu quan hệ quốc tế bởi nó định hình kỳ vọng của các chủ thể về hành vi của nhau và ảnh hưởng đến lựa chọn chính sách đối ngoại (Wrighton, 2022). Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược gia tăng và mức độ bất định cao của hệ thống quốc tế hiện nay, lòng tin được xem là một biến số có liên hệ đáng kể tới ổn định và leo thang xung đột (Rathbun, 2018; Thomas, 2023). Tuy nhiên, như Hardin (2002) lưu ý, “lòng tin” là khái niệm đa nghĩa và khó đo lường. Các nghiên cứu hiện có thường tiếp cận lòng tin từ những lăng kính tương đối tách biệt: duy lý nhấn mạnh tính toán chiến lược và răn đe (Kydd, 2005; Mearsheimer, 2013); kiến tạo tập trung vào bản sắc và cấu trúc ý nghĩa liên chủ thể (Adler & Barnett, 1998); trong khi tâm lý học chính trị chú ý đến cảm xúc và thiên kiến nhận thức của người ra quyết định (Mercer, 2005; Jervis, 2017; Johnson & Tierney, 2019). Sự phân mảnh này để lại một khoảng trống: thiếu các phân tích tích hợp có khả năng lý giải sự đổ vỡ lòng tin trong điều kiện các cơ chế kiểm soát xung đột vẫn tồn tại về mặt thể chế (Haukkala et al., 2018).

Xung đột tại thung lũng Galwan năm 2020 giữa Trung Quốc và Ấn Độ là một trường hợp đáng chú ý để xem xét khoảng trống đó. Cuộc đụng độ ngày 15-16/6/2020 gây thương vong nghiêm trọng và đánh dấu mức độ leo thang hiếm thấy sau nhiều thập kỷ, dù hai bên vẫn duy trì các thỏa thuận xây dựng lòng tin dọc Đường Kiểm soát Thực tế (LAC) (Ramachandran, 2023). Nếu nhìn từ góc độ duy lý thuần túy, căng thẳng có thể được giải thích bằng thay đổi tương quan năng lực thực địa và cạnh tranh chiến lược gia tăng. Tuy nhiên, các yếu tố vật chất tương tự cũng đã hiện diện trong các khủng hoảng trước như Daulat Beg Oldi (2013) và Doklam (2017) mà không dẫn đến thương vong nghiêm trọng. Điều này cho thấy các biến số vật chất có vai trò quan trọng nhưng chưa đủ để giải thích mức độ leo thang tại Galwan.

Từ góc độ kiến tạo, tranh chấp chủ quyền và khác biệt bản sắc Trung - Ấn đã kéo dài từ sau năm 1962. Các tự sự lãnh thổ và cấu trúc “Cái tôi - Kẻ khác” không phải là hiện tượng mới. Vì vậy, sự kiện năm 2020 trở thành một điểm bùng phát đặc biệt nghiêm trọng gợi ý rằng cần bổ sung tầng phân tích liên quan đến cảm xúc chính trị và cách diễn giải tín hiệu trong khủng hoảng. Nghiên cứu tâm lý học cho thấy khi các tác nhân vận hành trong “khung mất mát”, họ có xu hướng chấp nhận rủi ro cao hơn để tránh tổn thất biểu tượng (Jervis, 2017), đồng thời thiên lệch tiêu cực và xu hướng quy kết ý định xấu có thể làm méo mó nhận thức trong môi trường bất định (Johnson & Tierney, 2019). Tuy nhiên, các yếu tố tâm lý này cần được đặt trong tương tác với cấu trúc chiến lược và diễn ngôn xã hội rộng hơn.

Bài viết cho rằng Galwan có thể được hiểu như một điểm hội tụ của nhiều tầng phân tích hơn là kết quả của một nguyên nhân đơn lẻ. Việc lựa chọn Galwan thay vì Doklam 2017 hay các sự cố khác dọc LAC mang ý nghĩa phương pháp luận: đây là trường hợp

gần đây hiếm hoi hội tụ đồng thời thay đổi năng lực thực địa, vùng xám nhận thức sâu về LAC và thương vong thực tế kích hoạt cảm xúc chính trị. So sánh phản chứng với DBO và Doklam cho thấy khi thiếu một trong các điều kiện này, các cơ chế xây dựng lòng tin (CBMs) vẫn còn dư địa vận hành và leo thang được kiểm soát ở mức nhất định. Galwan vì vậy cung cấp một bối cảnh thích hợp để quan sát quá trình suy giảm lòng tin trong điều kiện cạnh tranh chiến lược cao.

Đóng góp của nghiên cứu nằm ở ba điểm. Thứ nhất, về lý thuyết, bài viết đề xuất một khung phân tích tích hợp “lòng tin - ngờ vực” kết nối duy lý, kiến tạo và tâm lý học chính trị (Haukkala et al., 2018). Thứ hai, về cơ chế giải thích, nghiên cứu làm rõ cách các tính toán chiến lược, tự sự chủ quyền và thiên kiến nhận thức có thể tương tác và khuếch đại lẫn nhau, qua đó làm suy giảm hiệu quả của CBMs dù chúng vẫn tồn tại về mặt thể chế. Thứ ba, nghiên cứu bổ sung cho thảo luận rộng hơn về lòng tin trong quan hệ quốc tế bằng cách nhấn mạnh rằng sự đổ vỡ lòng tin thường gắn với sự suy giảm đồng thời ở nhiều tầng phân tích – chiến lược, xã hội và tâm lý thay vì chỉ từ một biến số đơn lẻ.

Qua trường hợp Galwan, bài viết không chỉ góp phần lý giải quan hệ Trung - Ấn mà còn gợi mở câu hỏi rộng hơn về điều kiện dưới đó các cơ chế kiểm soát xung đột có thể mất dần khả năng ngăn chặn leo thang trong môi trường cạnh tranh chiến lược đương đại.

Lý thuyết lòng tin trong quan hệ quốc tế

Cách tiếp cận duy lý

Trong tiếp cận duy lý, lòng tin chủ yếu được khái niệm hóa như một lựa chọn chấp nhận rủi ro có điều kiện, dựa trên tính toán chiến lược của các tác nhân trong bối cảnh thông tin không hoàn hảo. Một chủ thể quyết định tin tưởng khi họ đánh giá rằng hành động vị kỷ của mình có khả năng phù hợp với lợi ích của đối phương và đối phương có động cơ hợp lý để không phản bội (Keating & Ruzicka, 2014). Russell Hardin (1993) định nghĩa lòng tin như việc “trao quyền cho người khác tác động đến lợi ích của mình”, qua đó hàm ý rằng mọi hành vi tin tưởng đều tiềm ẩn rủi ro bị lạm dụng. Do đó, lòng tin trong lăng kính duy lý không phải là trạng thái đạo đức hay chuẩn tắc, mà là một quyết định chiến lược có tính toán.

Cách tiếp cận này được xây dựng trên những giả định bản thể học quen thuộc của chủ nghĩa duy lý: các tác nhân là tự chủ, vị kỷ và hành động nhằm tối đa hóa lợi ích trong một hệ thống quốc tế vô chính phủ. Trong môi trường thiếu cơ chế thực thi tập trung, nơi các quốc gia quan tâm trước hết đến an ninh và quyền lực tương đối, lòng tin khó có thể tồn tại như một giá trị tự thân (Kydd, 2005; Mearsheimer, 2013). Theo lý thuyết “lợi ích gói gọn” (encapsulated interest) của Hardin (2002), lòng tin chỉ xuất hiện khi người được tin tưởng

có lợi ích trực tiếp trong việc hành xử đáng tin cậy, nói cách khác, lòng tin tồn tại chừng nào việc duy trì hợp tác còn phù hợp với lợi ích của các bên.

Các học giả duy lý, tiêu biểu là Kydd (2005), đã cụ thể hóa khái niệm lòng tin hợp lý thông qua lý thuyết trò chơi, đặc biệt là các mô hình “trò chơi đảm bảo” (assurance games). Trong những mô hình này, hợp tác có thể bền vững nếu các quốc gia tin rằng đối phương cũng có động cơ hợp tác và nếu chi phí phản bội đủ cao. Tuy nhiên, do các tác nhân luôn đối mặt với rủi ro gian lận và bất cân xứng thông tin, các nhà duy lý nhấn mạnh vai trò của răn đe, tín hiệu chiến lược và các cơ chế thể chế. Các cơ chế xây dựng lòng tin (CBMs), cũng như các thể chế quốc tế, giúp giảm bất định bằng cách cung cấp thông tin, giám sát hành vi và kéo dài “cái bóng của tương lai”, qua đó khiến hợp tác dài hạn trở nên hợp lý hơn so với phản bội ngắn hạn. Tuy nhiên, chính ở điểm này xuất hiện một giới hạn quan trọng của tiếp cận duy lý: nó giả định rằng khi thông tin được cải thiện và chi phí phản bội đủ cao, các cơ chế kiểm soát xung đột sẽ tiếp tục vận hành hiệu quả. Cách tiếp cận này khó lý giải vì sao trong một số trường hợp, các CBMs vẫn tồn tại về mặt thể chế nhưng lại mất khả năng ngăn chặn leo thang.

Mặc dù có giá trị giải thích quan trọng, cách tiếp cận duy lý cũng đối mặt với những phê phán đáng kể. Brian Rathbun (2011) cho rằng lòng tin duy lý bị giới hạn bởi sự phụ thuộc vào tính tương hỗ cụ thể, khiến nó khó lý giải những dạng hợp tác bền vững dựa trên cam kết dài hạn và không xác định thời gian. Các nhà phê bình như Mercer (2005) và Michel (2012) lập luận rằng nếu lòng tin chỉ dựa trên giám sát và bằng chứng bên ngoài thì về bản chất nó khó phân biệt với sự giảm thiểu rủi ro thuần túy. Dù vậy, tiếp cận duy lý vẫn là công cụ phân tích thiết yếu để hiểu cách các quốc gia quản trị ngờ vực, thiết kế thể chế và duy trì hợp tác trong điều kiện bất định cao.

Cách tiếp cận kiến tạo

Cách tiếp cận kiến tạo xem lòng tin là một hiện tượng xã hội, được hình thành và duy trì thông qua các ý nghĩa, chuẩn tắc và bản sắc được chia sẻ giữa các chủ thể. Trong khuôn khổ này, lòng tin xuất phát chủ yếu từ những kỳ vọng chuẩn mực rằng đối phương sẽ hành xử “đúng mực” trong một mối quan hệ xã hội nhất định (Hollis, 1998; Hoffman, 2002). Do đó, lòng tin mang tính liên chủ thể, tồn tại không chỉ trong nhận thức cá nhân mà còn trong các cấu trúc ý nghĩa chung hướng dẫn hành vi của các tác nhân trong hệ thống quốc tế.

Trọng tâm của tiếp cận kiến tạo là vai trò của bản sắc được kiến tạo về mặt xã hội. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng lòng tin thường bắt nguồn từ “cảm giác chúng ta”, tức sự nhận thức rằng đối phương có sự tương đồng về giá trị, chuẩn tắc hoặc vị thế xã hội (Adler & Barnett, 1998; Lebow, 2013; Brugger, 2015). Bản sắc chung này tạo ra cái mà Adler và Barnett (1998) gọi là “cơ sở xã hội của lòng tin”, cho phép các chủ thể phát triển những thiên kiến nhận thức tích cực đối với nhau (Brugger et al., 2013).

Bên cạnh bản sắc, các nhà kiến tạo nhấn mạnh vai trò của diễn ngôn và tự sự trong việc kiến tạo và tái sản xuất lòng tin (Chilton, 1996; Lakoff & Johnson, 1999; Legro, 2000). Tiếp cận kiến tạo cũng nhấn mạnh mối quan hệ đồng cấu thành giữa “Cái tôi và Kẻ khác” (Self/Other) (Weinhardt, 2015). Tuy nhiên, nếu chỉ dừng ở cấp độ bản sắc và diễn ngôn, tiếp cận kiến tạo khó giải thích thời điểm và cơ chế chuyển hóa từ ngờ vực tiềm ẩn sang bùng phát xung đột công khai. Các tự sự chủ quyền và cấu trúc “Cái tôi - Kẻ khác” có thể tồn tại trong thời gian dài mà không tất yếu dẫn tới leo thang. Điều này đặt ra câu hỏi: khi nào và bằng cách nào sự xói mòn bản sắc chung chuyển hóa thành đổ vỡ lòng tin chiến lược?

Cách tiếp cận tâm lý học

Phương pháp tiếp cận tâm lý học nhấn mạnh rằng lòng tin không thể giản lược thành tính toán chiến lược hay sản phẩm của các cấu trúc xã hội, mà trước hết là một trạng thái nhận thức - cảm xúc của con người (Mercer, 2005; Mercer, 2010). Rathbun (2011, 2012) phát triển khái niệm lòng tin tổng quát (trust propensity) như một khuynh hướng tâm lý tương đối ổn định.

Tiếp cận này đặc biệt nhấn mạnh vai trò của cảm xúc và thiên kiến nhận thức. Lòng tin “thực sự” đòi hỏi một “bước nhảy vào bóng tối” (Booth & Wheeler, 2008). Cảm xúc tiêu cực và thiên kiến như thiên kiến xác nhận hay thiên kiến mất mát có thể làm méo mó việc diễn giải tín hiệu trong khủng hoảng.

Dù vậy, nếu chỉ tập trung vào đặc điểm cá nhân và cảm xúc lãnh đạo, cách tiếp cận này khó chỉ ra vì sao trong một số thời điểm nhất định, cảm xúc tiêu cực lại được kích hoạt mạnh mẽ và lan tỏa thành quyết định chính sách. Các yếu tố tâm lý cần được đặt trong tương tác với điều kiện cấu trúc và môi trường diễn ngôn rộng hơn.

Hạn chế của các tiếp cận đơn tầng và cơ sở xây dựng khung phân tích tích hợp “lòng tin - ngờ vực”

Nhìn tổng thể, ba cách tiếp cận trên cung cấp những lát cắt quan trọng nhưng tương đối tách biệt. Duy lý nhấn mạnh tính toán chiến lược và thiết kế thể chế; kiến tạo tập trung vào bản sắc và diễn ngôn; tâm lý học làm rõ cảm xúc và thiên kiến. Tuy nhiên, mỗi tiếp cận riêng lẻ đều gặp khó khăn trong việc giải thích vì sao các cơ chế kiểm soát xung đột, vốn được thiết kế để quản trị bất định, có thể mất hiệu lực ngay cả khi vẫn tồn tại về mặt hình thức.

Để lấp đầy khoảng trống này, bài viết đề xuất một cách hiểu về “đứt gãy liên tầng của lòng tin” như một cơ chế giải thích. Theo đó, sự sụp đổ lòng tin không diễn ra ở một tầng phân tích đơn lẻ, mà xuất hiện khi sự suy giảm xảy ra đồng thời và tương tác ở ba tầng: (i) tầng chiến lược, nơi tính toán lợi ích chuyển dịch theo hướng nghi ngờ; (ii) tầng xã hội, nơi tự sự và bản sắc chung bị xói mòn; và (iii) tầng tâm lý, nơi cảm xúc tiêu cực và thiên kiến

nhận thức chi phối việc diễn giải tín hiệu. Khi ba tầng này cùng dịch chuyển theo hướng ngò vục, các CBMs dù vẫn tồn tại về mặt thể chế cũng khó phát huy tác dụng thực chất.

Trên cơ sở cơ chế này, bài viết xây dựng một khung phân tích tích hợp “lòng tin - ngò vục” nhằm vận hành và kiểm chứng hiện tượng đứt gãy liên tầng trong trường hợp xung đột Trung - Ấn tại Galwan. Khung phân tích không thay thế các tiếp cận hiện có, mà kết nối chúng trong một cấu trúc động, cho phép quan sát cách các yếu tố chiến lược, bản sắc và tâm lý tương tác và khuếch đại lẫn nhau trong quá trình leo thang.

Qua đó, đóng góp lý thuyết của nghiên cứu được xác lập ở cấp độ cơ chế: làm rõ sự “đứt gãy” lòng tin như một quá trình liên tầng, trong khi khung phân tích tích hợp đóng vai trò công cụ để triển khai cơ chế này vào phân tích thực nghiệm.

Khung phân tích tích hợp “lòng tin - ngò vục” trong xung đột Trung - Ấn tại Galwan

Để phân tích xung đột Trung - Ấn tại thung lũng Galwan, nghiên cứu này xây dựng và vận dụng một khung phân tích tích hợp “lòng tin - ngò vục”, kết hợp ba cách tiếp cận lý thuyết bổ trợ cho nhau: duy lý, kiến tạo và tâm lý học chính trị. Khung phân tích này không chỉ nhằm mô tả sự suy giảm lòng tin, mà làm rõ cơ chế nhân - quả thông qua đó sự suy giảm này chuyển hóa thành leo thang xung đột và trạng thái ngò vục kéo dài. Cụ thể, nghiên cứu lập luận rằng lòng tin suy giảm dẫn tới leo thang thông qua một chuỗi trung gian gồm: (i) thay đổi trong diễn giải ý định đối phương; (ii) điều chỉnh tính toán chiến lược và quy tắc tương tác; và (iii) phản ứng cảm xúc - chính trị làm thu hẹp dư địa kiềm chế.

Biến phụ thuộc trung tâm của khung là mức độ đổ vỡ lòng tin dẫn đến leo thang xung đột, được nhận diện thông qua ba biểu hiện chính: (1) sự suy yếu hoặc thất bại của các cơ chế xây dựng lòng tin biên giới (CBMs) và kênh kiểm soát rủi ro; (2) sự gia tăng các hành vi đối đầu trên thực địa, bao gồm thay đổi triển khai lực lượng và quy tắc tương tác; và (3) sự “làm cứng” quan hệ song phương sau khủng hoảng, thể hiện ở việc thu hẹp dư địa thỏa hiệp và duy trì trạng thái ngò vục bền vững. Ba biểu hiện này được xem là kết quả cuối cùng của quá trình đứt gãy liên tầng, chứ không phải là nguyên nhân trực tiếp của leo thang.

Các biến độc lập được tổ chức theo ba tầng phân tích. Ở tầng duy lý, nghiên cứu xem lòng tin như một lựa chọn chấp nhận rủi ro có điều kiện, tập trung vào tính toán chi phí - lợi ích, diễn giải tín hiệu chiến lược và việc vận hành CBMs trong bối cảnh thông tin không hoàn hảo. Sự suy giảm lòng tin ở tầng này thể hiện ở việc các bên bắt đầu diễn giải tín hiệu của đối phương theo hướng bất lợi, từ đó điều chỉnh quy tắc triển khai lực lượng và giảm mức độ kiềm chế chiến thuật. Đây là bước trung gian đầu tiên trong chuỗi leo thang.

Ở tầng kiến tạo, lòng tin được tiếp cận như một hiện tượng xã hội gắn với bản sắc, chuẩn tắc và tự sự, qua đó phân tích cách các diễn ngôn về chủ quyền, LAC và cấu trúc

“Cái tôi - Kẻ khác” định hình nhận thức đe dọa. Khi tự sự về đối phương dịch chuyển từ “đối tác cạnh tranh” sang “đối thủ chiến lược”, các hành động mơ hồ trên thực địa có xu hướng bị tái diễn giải như hành vi cố ý thách thức, qua đó làm sâu sắc thêm ngờ vực và củng cố quyết định điều chỉnh chiến lược ở tầng duy lý.

Ở tầng tâm lý học, nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của phong cách lãnh đạo, mức độ tin tưởng mặc định, cảm xúc chính trị và các thiên kiến nhận thức trong điều kiện khủng hoảng. Các cảm xúc như giận dữ, cảm giác bị xúc phạm hay áp lực danh tiếng trong môi trường truyền thông số có thể khuếch đại nhận thức đe dọa, làm giảm khả năng “kiềm chế chiến lược” và thúc đẩy lựa chọn hành động cứng rắn. Đây là bước trung gian cuối cùng khiến các tính toán ban đầu được chuyển hóa thành hành vi leo thang thực địa.

Giá trị phương pháp luận của khung tích hợp này nằm ở việc tránh giản lược xung đột Galwan vào một nguyên nhân đơn lẻ. Thay vì xem lòng tin suy giảm như một hiện tượng mô tả, khung phân tích làm rõ tiến trình nhân - quả: từ biến đổi trong nhận thức và diễn giải tín hiệu, sang điều chỉnh chiến lược, đến hành vi leo thang và trạng thái ngờ vực bền vững hậu khủng hoảng. Qua đó, nó cho phép giải thích vì sao các CBMs, dù vẫn tồn tại về mặt thể chế, không còn đủ năng lực ngăn chặn xung đột khi cơ chế đứt gãy liên tầng đã hình thành.

Xung đột Trung - Ấn tại Galwan dưới góc độ duy lý

Phân tích chiến lược hành vi Trung Quốc và Ấn Độ trước và trong Galwan

Về lựa chọn chiến lược của Trung Quốc

Dưới góc độ tâm lý học chính trị, khủng hoảng Galwan không chỉ phản ánh tương quan lực lượng hay giới hạn của các cơ chế kiểm soát leo thang, mà còn là phép thử đối với cách các nhà lãnh đạo tri nhận và “đóng khung” rủi ro. Cách tiếp cận này nhấn mạnh rằng người ra quyết định không xử lý thông tin như những tác nhân tối ưu, mà thông qua các “bộ lọc nhận thức” hình thành từ niềm tin sẵn có, kinh nghiệm lịch sử, kỳ vọng về ý định đối phương và áp lực chính trị trong nước. Khi các bộ lọc này vận hành trong môi trường thông tin không hoàn hảo, chúng có xu hướng khuếch đại cảm nhận đe dọa và làm tăng xác suất leo thang.

Tác động của “bộ lọc nhận thức” có thể được mô tả theo một chuỗi trung gian. Thứ nhất, nó làm dịch chuyển cách diễn giải ý định của đối phương, từ phòng thủ hoặc điều chỉnh hiện diện sang cường ép hoặc thay đổi nguyên trạng. Thứ hai, diễn giải này dẫn đến điều chỉnh trong tính toán chiến lược và quy tắc tương tác theo hướng giảm kiểm chế. Thứ ba, khi xung đột bùng phát, yếu tố cảm xúc, danh tiếng và áp lực truyền thông số làm thu hẹp không gian xuống thang, qua đó kéo dài trạng thái ngờ vực.

Diễn biến trước ngày 15/6/2020 cho thấy căng thẳng đã ở mức cao dù các kênh liên lạc vẫn duy trì. Theo Bộ Ngoại giao Ấn Độ, tại cuộc gặp tư lệnh cấp cao ngày 6/6/2020, hai bên đạt đồng thuận về “giảm leo thang và rút lui” dọc LAC; các cuộc gặp cấp chỉ huy tiếp tục diễn ra trong tuần sau đó trước khi xảy ra đối đầu bạo lực tại Galwan (Ministry of External Affairs, Government of India, 2020; Philip, 2020). Diễn biến này cho thấy sự tồn tại của “đồng thuận kỹ thuật” không đồng nghĩa với sự chia sẻ chung về ý định. Nếu một bên cho rằng đối phương đang tận dụng đàm phán để củng cố hiện diện tại vùng chồng lấn, thì các tín hiệu rút - giãn lực lượng có thể bị diễn giải như chiến thuật trì hoãn. Khi đó, bước trung gian (i) thay đổi trong diễn giải ý định làm suy giảm hiệu lực của cam kết kiềm chế.

Một cơ chế tâm lý quan trọng là “khung mất mát” (loss frame). Theo lý thuyết triển vọng, khi nhà lãnh đạo cảm nhận nguy cơ mất vị thế, dù là kiểm soát thực địa, uy tín rắn đe hay tính chính danh, họ có xu hướng chấp nhận mức rủi ro cao hơn để tránh mất mát (Jervis, 2017). Trong trường hợp Galwan, cả Trung Quốc và Ấn Độ đều có thể nhìn nhận tình hình như một kịch bản mất mát tiềm tàng. Trong logic cơ chế, “khung mất mát” đóng vai trò cầu nối giữa bước (i) và (ii): khi tin rằng nguyên trạng đang bị đe dọa, lãnh đạo có động cơ điều chỉnh tính toán và quy tắc tương tác (ROE) theo hướng chủ động hơn nhằm ngăn chặn mất mát dự kiến. Như vậy, yếu tố tâm lý được chuyển hóa thành lựa chọn chiến thuật cụ thể.

Phong cách lãnh đạo cá nhân hóa càng làm bộ lọc nhận thức trở nên cứng rắn hơn. Dưới thời Tập Cận Bình, vấn đề chủ quyền biên giới gắn chặt với tính chính danh của Đảng và mục tiêu “phục hưng dân tộc”, dẫn đến ưu tiên kiểm soát căng thẳng nhưng hạn chế nhượng bộ biểu tượng. Ở phía Ấn Độ, phong cách dân tộc chủ nghĩa của Narendra Modi khiến lập trường cứng rắn về biên giới trở thành một thành tố của tính chính danh đối nội (Muratbekova, 2022). Phong cách lãnh đạo không trực tiếp gây ra leo thang, mà làm gia tăng xác suất của hai bước trung gian đầu: ưu tiên diễn giải ý định đối phương theo kịch bản thù địch và chấp nhận điều chỉnh chuẩn kiềm chế trong tương tác thực địa.

Về lựa chọn chiến lược của Ấn Độ

Ấn Độ tiếp cận căng thẳng tại Galwan như một bài toán bảo vệ lợi ích an ninh – lãnh thổ trong điều kiện bất định cao, đồng thời phải cân bằng giữa ba mục tiêu: duy trì hiện trạng, hạn chế leo thang và bảo toàn uy tín rắn đe. Việc hoàn tất tuyến Darbuk–Shyok–Daulat Beg Oldi (DS-DBO) năm 2019 nâng cao đáng kể năng lực triển khai lực lượng tại khu vực Ladakh (Bharadwaj, 2020). Tuy nhiên, trong môi trường lòng tin chiến lược đã suy yếu, sự gia tăng năng lực này không còn được đối phương tiếp nhận như một biện pháp phòng thủ thuần túy, mà có thể bị diễn giải như bước điều chỉnh cán cân thực địa.

Sự khác biệt trong diễn giải tạo ra bước trung gian (ii) trong chuỗi leo thang: mỗi bên điều chỉnh hành vi nhằm phòng ngừa kịch bản bất lợi do mình hình dung. Trước đọng ngày 15/6/2020, Ấn Độ coi một số động thái của Trung Quốc là nỗ lực thay đổi hiện

trạng và lựa chọn phản ứng đủ mạnh để buộc đối phương điều chỉnh (Ministry of External Affairs, Government of India, 2020). Phản ứng này phản ánh sự dịch chuyển từ ưu tiên kiềm chế sang ưu tiên bảo vệ uy tín, khi việc không hành động có thể bị diễn giải là suy yếu răn đe. Đây là điểm chuyển hóa từ tính toán phòng ngừa sang hành vi cứng rắn hơn trên thực địa.

Mặc dù Ấn Độ tiếp tục duy trì các CBMs và kênh đàm phán, việc các cơ chế này chỉ được kích hoạt mạnh sau khi xảy ra thương vong cho thấy giới hạn của chúng trong điều kiện diễn giải ý định đã chuyển sang hướng tiêu cực. Khi uy tín răn đe trở thành biến số trung tâm, các thủ tục thể chế khó có thể kiểm soát hành vi tiền tuyến theo thời gian thực.

Sau Galwan, Ấn Độ mở rộng răn đe sang các công cụ phi quân sự (Verma, 2023). Theo logic của khung phân tích, đây là biểu hiện của giai đoạn hậu khủng hoảng, trong đó điều chỉnh chiến thuật tại thực địa được nối tiếp bằng tái cấu trúc quan hệ song phương ở cấp độ rộng hơn. Quá trình này củng cố trạng thái ngờ vực bền vững, khi các lựa chọn chính sách mới không chỉ nhằm quản trị sự cố, mà còn tái định vị quan hệ trong quỹ đạo cạnh tranh dài hạn.

Lỗ hổng và hạn chế của CBMs trong trường hợp Galwan

Lỗ hổng cấu trúc của CBMs do khác biệt nhận thức về LAC

Các CBMs được thiết kế nhằm giảm chi phí rủi ro và chuẩn hóa hành vi. Tuy nhiên, hiệu quả của chúng phụ thuộc vào tiền đề chia sẻ nhận thức về LAC. Khi không tồn tại nhận thức chung về phạm vi áp dụng, CBMs rơi vào tình trạng “hợp đồng không hoàn chỉnh”, trong đó mỗi bên vừa tuyên bố tuân thủ vừa diễn giải hành vi của đối phương như vi phạm. Đây là bước trung gian quan trọng làm suy yếu lòng tin ở tầng chiến lược.

Khác biệt kéo dài về LAC (Kumar Mahla, 2024) tạo ra vùng chồng lấn nơi cả hai đều tin rằng mình hợp pháp. Trong điều kiện lòng tin suy giảm, vùng chồng lấn này không còn là không gian linh hoạt để quản trị, mà trở thành không gian nghi ngờ lẫn nhau, nơi mọi điều chỉnh nhỏ đều bị gán ý nghĩa chiến lược.

Quan trọng hơn, sự mơ hồ về LAC tạo điều kiện cho các hành vi điều chỉnh hiện diện từng bước tại “vùng xám”. Khi các hành vi phòng ngừa được diễn giải như hành vi cưỡng ép, chuỗi trung gian từ diễn giải tiêu cực dẫn đến điều chỉnh chiến lược và xảy ra va chạm thực địa được kích hoạt. Galwan cho thấy CBMs không thất bại vì bị xóa bỏ, mà vì cơ chế tin tưởng nền tảng ở tầng chiến lược đã suy yếu trước khi được thể chế hóa.

Giới hạn vận hành của CBMs trong môi trường bất định cao

CBMs được thiết kế để xử lý các tình huống dự liệu trước. Tuy nhiên, năm 2020, tín hiệu phòng thủ và răn đe đan xen dày đặc, thông tin bất cân xứng và thời gian phản ứng rút ngắn (Bajpai, 2025).

Trong môi trường này, các bên có xu hướng chuyển sang “diễn giải phòng ngừa cực đại”, tức giả định kịch bản xấu nhất để tránh bị bất ngờ chiến thuật. Đây là cơ chế trung gian trực tiếp nối suy giảm lòng tin với điều chỉnh hành vi tiền tuyến.

Những động thái có thể mang mục đích phòng thủ dễ bị hiểu là hành vi cưỡng ép. Khi diễn giải tiêu cực trở thành mặc định, CBMs, vốn dựa trên giả định tối thiểu về thiện chí, mất khả năng xác thực ý định theo thời gian thực. Điều này khiến khoảng cách giữa thủ tục thể chế và hành vi tiền tuyến ngày càng lớn.

Cuộc đối đầu tại Galwan cho thấy CBMs không thất bại vì bị bỏ qua hoàn toàn, mà vì chúng không đủ khả năng thích ứng với môi trường cạnh tranh chiến lược nơi động cơ phòng ngừa rủi ro chi phối mạnh hành vi. Từ góc độ cơ chế, đây là minh chứng cho giai đoạn đầu của đứt gãy liên tầng: suy giảm ở tầng chiến lược làm xói mòn khả năng vận hành của thể chế, tạo tiền đề cho các tầng xã hội và tâm lý tiếp tục khuếch đại ngờ vực.

Xung đột Trung - Ấn tại Galwan dưới góc độ kiến tạo

Chủ quyền, bản sắc và sự kiến tạo không gian biên giới Trung - Ấn

Đường Kiểm soát Thực tế (LAC) như một cấu trúc xã hội

Đường Kiểm soát Thực tế (LAC) xuất hiện trong diễn ngôn song phương sau Chiến tranh Trung - Ấn năm 1962 và được chính thức đưa vào các văn kiện như Hiệp định về duy trì hòa bình và yên tĩnh dọc LAC năm 1993. Theo đó, hai bên chấp nhận sử dụng thuật ngữ LAC để chỉ phạm vi kiểm soát thực tế, nhưng không thống nhất và cũng không chuẩn hóa vị trí chính xác của đường này. Nguồn gốc của khái niệm LAC thường được truy về bức thư năm 1959 của Thủ tướng Chu Ân Lai, trong đó đề cập tới “đường mà mỗi bên kiểm soát thực tế”; lập luận này khi đó bị phía Ấn Độ bác bỏ do cho là mơ hồ và không phù hợp với yêu sách chủ quyền (Hoffmann, 1990).

Cho đến nay, LAC vẫn là một ranh giới “giả định”: không có bản đồ chung được công bố, không được cắm mốc trên thực địa và không được hai bên thống nhất về tọa độ chính xác (Mason, 2020). Dưới góc độ kiến tạo, điều này cho thấy LAC không phải là một đường biên giới theo nghĩa pháp lý - vật lý, mà là một cấu trúc xã hội được duy trì thông qua diễn ngôn, văn bản pháp lý và thực tiễn hành vi như tuần tra và triển khai lực lượng. Nói cách khác, LAC tồn tại chủ yếu như một trình thuật về “kiểm soát thực tế” hơn là một thực thể khách quan có thể đo đạc và xác định thống nhất.

Trong logic kiến tạo, việc LAC “không được chuẩn hóa” không chỉ tạo ra mơ hồ kỹ thuật, mà tạo ra một không gian tranh chấp ý nghĩa: mỗi bên “kể” câu chuyện chủ quyền của mình bằng chính thực hành hiện diện và tuần tra. Khi chủ quyền được thực thi bằng thực hành, thì mỗi lần đối phương xuất hiện ở “vùng chồng lấn” dễ bị diễn giải không

phải là hoạt động bình thường, mà là một hành vi thách thức tính hợp pháp của cái tôi chủ quyền.

Việc LAC được chia thành ba đoạn (Tây, Trung và Đông), mỗi đoạn lại được mỗi bên diễn giải khác nhau, càng củng cố tính chất nhận thức của khái niệm này (Singh, 2020). Trong khuôn khổ kiến tạo, LAC vì vậy mang tính trạng thái (state of control) hơn là bản đồ, phản ánh cách mỗi bên hiểu và kể câu chuyện về lãnh thổ mình đang kiểm soát. Một vị trí mà Ấn Độ coi là LAC có thể bị Trung Quốc diễn giải khác đi, và ngược lại, mà không bên nào có thể viện dẫn một chuẩn mực chung mang tính quyết định.

Ngay trong Hiệp định năm 1993, các bên đã chấp nhận nguyên tắc rằng những tham chiếu tới LAC “không phương hại đến lập trường ranh giới của mỗi bên”, đồng thời để ngỏ khả năng “kiểm tra và xác định các đoạn có nhận thức khác nhau khi cần thiết”. Về mặt kiến tạo, điều này cho thấy LAC được thể chế hóa như một không gian nhận thức linh hoạt, nơi mỗi bên duy trì và tái sản xuất tự sự lãnh thổ của riêng mình thông qua các khuôn khổ pháp lý song phương.

Từ đây hình thành mắt xích đầu tiên của chuỗi nhân - quả: tự sự chủ quyền được “cắm” vào không gian LAC (không phải bằng mốc giới, mà bằng diễn ngôn và thực hành). Khi tự sự chủ quyền trở thành nền tảng định nghĩa “đúng/sai” ở biên giới, các cơ chế xây dựng lòng tin khó có thể hoạt động như công cụ thuần kỹ thuật, vì chúng phải vận hành trong một môi trường mà mỗi bên đang tái sản xuất tính chính danh của mình.

“Nhận thức khác nhau” và sự hình thành các vùng xám chiến lược trong diễn giải lãnh thổ

Một hệ quả trực tiếp của việc không thống nhất về LAC là hiện tượng thường được giới học thuật mô tả là “những nhận thức khác nhau về Đường kiểm soát thực tế” (differing perceptions of the Line of Actual Control), tức mỗi bên có nhận thức khác nhau về vị trí ranh giới thực tế, từ đó hình thành các vùng xám chiến lược nơi tranh chấp tập trung (Zheng, 2021). Khái niệm này không chỉ xuất hiện trong nghiên cứu học thuật mà còn được chính thức ghi nhận trong Hiệp định CBMs năm 1996, khi văn bản thừa nhận sự tồn tại của “sự khác biệt về sắp hàng” (differences on the alignment) và “những nhận thức khác nhau” (different perceptions) dọc LAC.

Sau xung đột Galwan năm 2020, sự khác biệt nhận thức này được giới lãnh đạo Ấn Độ công khai nhấn mạnh. Bộ trưởng Quốc phòng Rajnath Singh khẳng định rằng Ấn Độ và Trung Quốc có “nhận thức khác nhau về toàn bộ LAC”, và tồn tại những khu vực mà các nhận thức này chồng lấn lên nhau (Government of India, Ministry of Defence, 2020). Tuyên bố này cho thấy “nhận thức khác nhau” không còn là vấn đề kỹ thuật cục bộ, mà là đặc điểm cấu trúc của toàn bộ không gian biên giới Trung - Ấn.

“Nhận thức khác nhau” không đơn thuần là sai lệch tọa độ bản đồ. Nó phản ánh các tự sự lãnh thổ khác biệt được xây dựng qua ký ức lịch sử, thực hành tuần tra và diễn ngôn

chính trị. Khi mỗi bên khẳng định rằng khu vực mình tuần tra là “lãnh thổ thuộc quyền kiểm soát thực tế”, họ đồng thời tái tạo một cách hiểu riêng về chủ quyền đang được thực thi, bất chấp việc đối phương gán cho cùng không gian đó một ý nghĩa hoàn toàn khác. Những nỗ lực trao đổi bản đồ trong quá khứ, bao gồm các vòng đàm phán đầu những năm 2000, đã không dẫn tới thống nhất cuối cùng, khi Trung Quốc từ chối tiếp tục trao đổi bản đồ ở một số đoạn do bất đồng yêu sách (Singh, 2026).

Các vùng có nhận thức chồng lấn thường là những khu vực địa hình hiểm trở, ít dấu hiệu vật lý rõ ràng, nhưng lại trở thành điểm nóng chiến lược về mặt nhận thức. Tại đây, sự xuất hiện của lực lượng đối phương dễ bị diễn giải như hành vi xâm phạm, ngay cả khi mỗi bên tin rằng mình đang hoạt động trong phạm vi hợp pháp. Phần lớn các sự cố biên giới trong thập niên qua, bao gồm Daulat Beg Oldi năm 2013 và Galwan năm 2020, đều xảy ra tại các vùng xám như vậy (Deuskar, 2022).

Đây là mắt xích thứ hai của chuỗi nhân - quả: tự sự chủ quyền khác biệt tạo ra “vùng xám” nhận thức, từ đó sản sinh “nhận thức đe dọa” mang tính cấu trúc. Khi cùng một hành vi tuần tra được gán nghĩa “thực thi chủ quyền hợp pháp” (Cái tôi) hoặc “xâm phạm chủ quyền” (Kẻ khác), thì tình huống biên giới không còn là tương tác kỹ thuật, mà là tương tác về tính chính danh. Trong bối cảnh đó, lòng tin suy giảm không chỉ vì thiếu thông tin, mà vì thiếu một nền tảng ý nghĩa chung để diễn giải ý định.

Khác biệt nhận thức về LAC vì thế đóng vai trò trung tâm trong việc hình thành nhận thức đe dọa. Khi cùng một hành vi được gán hai ý nghĩa đối lập: “bảo vệ kiểm soát thực tế” và “xâm phạm chủ quyền”, lòng tin khó có thể duy trì, và các cơ chế xây dựng lòng tin trở nên mong manh ngay từ nền tảng nhận thức.

Từ nhận thức đe dọa, bước trung gian tiếp theo trong khung kiến tạo là sự hình thành “chuẩn mực hành vi” (behavioral norms): khi đối phương bị gán nhãn là kẻ vi phạm, thì kiểm chế dễ bị diễn giải thành nhượng bộ; ngược lại, hành động cứng rắn được xem là cần thiết để bảo vệ tính chính danh. Đây là điểm nối trực tiếp từ kiến tạo ý nghĩa sang lựa chọn hành vi trên thực địa.

Tự sự, diễn ngôn và cấu trúc “Cái tôi - Kẻ khác” trong xung đột Galwan

Tự sự lịch sử và bản sắc chiến lược trong cách Trung Quốc và Ấn Độ diễn giải chủ quyền

Chủ quyền trong tranh chấp biên giới Trung - Ấn không chỉ là một trạng thái pháp lý khách quan, mà là một ý nghĩa xã hội được kiến tạo và cạnh tranh thông qua tự sự lịch sử và bản sắc chiến lược. Điều này thể hiện rõ trong cách hai bên diễn giải sự kiện Galwan, nơi tranh chấp không chỉ xoay quanh hành vi trên thực địa mà còn xoay quanh câu hỏi ai là chủ thể hợp pháp trong không gian biên giới.

Các phát ngôn chính thức của Trung Quốc sau đưng độ nhấn mạnh tính liên tục của chủ quyền lịch sử và quyền quản trị thực tế tại khu vực Galwan. Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc Triệu Lập Kiên đã đưa ra một “tường thuật theo trình tự” về sự kiện, mô tả Ấn Độ là bên vi phạm các thỏa thuận song phương và nhấn mạnh lập trường kiềm chế, xử lý sự cố của Bắc Kinh (Embassy of the People’s Republic of China in India, 2020). Ở bình diện bản sắc, dạng tường thuật này tái khẳng định hình ảnh Trung Quốc như một chủ thể “duy trì trật tự” và “bảo vệ chủ quyền hợp pháp”, đồng thời định vị Ấn Độ như bên phá vỡ đồng thuận hiện hữu. Các kênh truyền thông như Global Times tiếp tục củng cố tự sự này bằng cách nhấn mạnh luận điểm “Ấn Độ vượt thỏa thuận” và “xâm nhập qua LAC”, qua đó kiến tạo một chuẩn mực đạo đức cho phản ứng của Trung Quốc (Global Times, 2020).

Ngược lại, diễn ngôn chủ quyền của Ấn Độ được kiến tạo xoay quanh ý tưởng bảo vệ hiện trạng và toàn vẹn lãnh thổ. Các phát biểu của Ngoại trưởng S. Jaishankar về Galwan nhấn mạnh rằng khủng hoảng năm 2020 là bước ngoặt nghiêm trọng, đánh dấu lần đầu có thương vong sau nhiều thập kỷ và kéo theo sự thay đổi căn bản trong triển khai quân sự dọc LAC (Ministry of External Affairs, Government of India, 2024). Dưới góc độ kiến tạo, cách mô tả này không chỉ nhằm thông tin mà còn nhằm thiết lập một chuẩn mực diễn giải: Galwan được định nghĩa là ranh giới đạo đức nơi đối phương đã vượt quá giới hạn chấp nhận được, từ đó biện minh cho lập trường cứng rắn hơn và thu hẹp không gian nhượng bộ.

Đây là mắt xích thứ ba của chuỗi nhân - quả: tự sự chủ quyền tái định nghĩa đối phương trong cấu trúc Cái tôi/Kẻ khác chuyển hóa thành nhận thức đe dọa. Khi đối phương không còn là “đối tác cạnh tranh” mà là “kẻ vi phạm” hoặc “kẻ gây bất ổn”, hành động của đối phương mặc định bị quy kết ý định xấu. Sự quy kết này tạo ra áp lực chuẩn mực buộc nhà nước phải thể hiện “độ cứng” để bảo toàn tính chính danh.

Như vậy, thay vì chia sẻ một nền tảng ý nghĩa chung về quản trị biên giới, Trung Quốc và Ấn Độ kích hoạt hai “kho tự sự” khác nhau về chủ quyền và công lý lịch sử. Khi chủ quyền được gắn chặt với bản sắc quốc gia và tính chính danh của nhà nước, sự bất tương thích tự sự này khiến đối phương không chỉ là chủ thể có lợi ích khác biệt, mà là “kẻ thách thức tính hợp pháp” của cái tôi quốc gia.

Hệ quả trực tiếp về hành vi là sự hình thành chuẩn mực hành động: (i) kiềm chế bị hiểu như nhượng bộ; (ii) tuần tra/hiện diện trở thành “nghĩa vụ chủ quyền”; và (iii) phản ứng mạnh trở thành hành vi phù hợp chuẩn mực để khẳng định Cái tôi. Chính chuẩn mực hành vi này làm tăng xác suất va chạm khi hai bên cùng vận hành trong vùng xám nhận thức.

Diễn ngôn chính thức và truyền thông

Trong tiếp cận kiến tạo, diễn ngôn chính thức và truyền thông không chỉ phản ánh hiện thực mà còn tham gia trực tiếp vào việc kiến tạo hiện thực bằng cách xác định điều gì

đã xảy ra, ai đúng - ai sai, và đối phương là ai. Xung đột Galwan cho thấy rõ sự chuyển dịch từ quản lý tranh chấp trên thực địa sang cạnh tranh trong không gian diễn ngôn, nơi mỗi bên tìm cách cố định một câu chuyện có lợi cho mình và tái sản xuất cấu trúc “Cái tôi - Kẻ khác” (Self/Other).

Các tuyên bố chính thức của hai phía đã gán những ý nghĩa đối lập cho cùng một chuỗi sự kiện. Trung Quốc khẳng định quân đội Ấn Độ vi phạm đồng thuận song phương, dẫn tới “đổi đầu vật lý dữ dội và thương vong”, đồng thời nhấn mạnh rằng “chủ quyền đối với Thung lũng Galwan luôn thuộc về Trung Quốc” (Zhou, 2020; Li, 2020). Cách diễn đạt này hợp pháp hóa phản ứng của Trung Quốc như một hành vi phòng vệ trật tự. Trong khi đó, các tuyên bố và tường thuật của phía Ấn Độ nhấn mạnh rằng Trung Quốc đã “đơn phương tìm cách thay đổi hiện trạng” và bạo lực là có chủ ý, qua đó kiến tạo Trung Quốc như tác nhân gây bất ổn và khiến nhượng bộ trở thành lựa chọn khó chấp nhận về mặt chính trị - xã hội (Tikku, 2020; Haidar, 2020).

Truyền thông đóng vai trò khuếch đại và chuẩn hóa các khung diễn giải này. Báo chí Ấn Độ không chỉ đưa tin mà còn ưu tiên các khung “đe dọa - xâm phạm - chủ quyền”, góp phần củng cố hình ảnh Trung Quốc như một thách thức chiến lược và làm suy giảm vốn lòng tin xã hội cần thiết cho kiểm soát khủng hoảng (Chatterjee, 2024). Ở chiều ngược lại, truyền thông Trung Quốc nhấn mạnh khung “Ấn Độ vi phạm thỏa thuận” và “Trung Quốc kiềm chế”, qua đó củng cố hình ảnh đối phương như bên phá vỡ ổn định và khiến mọi nhượng bộ dễ bị hiểu là suy yếu chủ quyền (Global Times, 2020).

Cạnh tranh diễn ngôn còn thể hiện ở việc kiểm soát không gian thông tin. Việc nền tảng WeChat gỡ bỏ bài phát biểu của Thủ tướng Ấn Độ và các tuyên bố liên quan tới Galwan do Đại sứ quán Ấn Độ đăng tải, với lý do an ninh quốc gia, cho thấy quản trị khủng hoảng không chỉ diễn ra ở biên giới mà còn trong trật tự diễn ngôn (Gupta, 2020; Patranobis, 2020). Dưới góc độ kiến tạo, kiểm soát câu chuyện đồng nghĩa với kiểm soát khả năng định nghĩa đối phương và định nghĩa chính mình.

Galwan cho thấy xung đột không chỉ là va chạm vật chất mà còn là cuộc đấu tranh trong không gian ý nghĩa. Khi diễn ngôn liên tục tái sản xuất đối phương như “kẻ vi phạm” hay “kẻ gây bất ổn”, cấu trúc Cái tôi/Kẻ khác trở nên cứng rắn, làm xói mòn nền tảng lòng tin và hạn chế hiệu quả lâu dài của các thỏa thuận giảm căng thẳng.

Từ chuỗi nhân - quả của khung tích hợp, có thể khái quát cơ chế kiến tạo trong Galwan như sau: (1) tự sự chủ quyền và công lý lịch sử định nghĩa “ai đúng”; (2) từ đó hình thành nhận thức đe dọa và quy kết ý định xấu; (3) nhận thức đe dọa được chuyển hóa thành chuẩn mực hành vi (không nhượng bộ, phải thể hiện độ cứng); và (4) khi chuẩn mực này gặp vùng xám nhận thức ở LAC, nguy cơ va chạm Galwan tăng lên dù các CBMs vẫn tồn tại.

Xung đột Trung - Ấn tại Galwan dưới góc độ tâm lý học

Phong cách lãnh đạo và cấu trúc nhận thức trong đánh giá đối phương

Phong cách lãnh đạo và “bộ lọc nhận thức” trong đánh giá rủi ro chiến lược

Dưới góc độ tâm lý học chính trị, khủng hoảng Galwan không chỉ phản ánh tương quan lực lượng hay giới hạn của các cơ chế kiểm soát leo thang, mà còn là phép thử đối với cách các nhà lãnh đạo tri nhận và “đóng khung” rủi ro. Cách tiếp cận này nhấn mạnh rằng người ra quyết định không xử lý thông tin như những tác nhân tối ưu, mà thông qua các “bộ lọc nhận thức” hình thành từ niềm tin sẵn có, kinh nghiệm lịch sử, kỳ vọng về ý định đối phương và áp lực chính trị trong nước. Khi các bộ lọc này vận hành trong môi trường thông tin không hoàn hảo, chúng có xu hướng khuếch đại cảm nhận đe dọa và làm tăng xác suất leo thang.

Tác động của “bộ lọc nhận thức” có thể được mô tả như một chuỗi trung gian: (i) bộ lọc làm dịch chuyển cách diễn giải ý định đối phương (từ phòng thủ/điều chỉnh hiện diện sang cưỡng ép/thay đổi nguyên trạng); (ii) diễn giải này khiến lãnh đạo chấp nhận điều chỉnh tính toán chiến lược và quy tắc tương tác theo hướng giảm kiểm chế; và (iii) khi xung đột bùng phát, cảm xúc - danh tiếng - áp lực truyền thông số làm “đóng” cửa xuống thang, kéo dài trạng thái ngò vực.

Diễn biến trước ngày 15/6/2020 cho thấy căng thẳng đã ở mức cao dù các kênh liên lạc vẫn hoạt động. Theo Bộ Ngoại giao Ấn Độ, tại cuộc gặp tư lệnh cấp cao ngày 6/6/2020, hai bên đạt đồng thuận về “giảm leo thang và rút lui” dọc LAC, các cuộc gặp cấp chỉ huy tiếp tục diễn ra trong tuần sau đó trước khi xảy ra “đổi đầu bạo lực” tại Galwan (Ministry of External Affairs, Government of India, 2020; Philip, 2020). Chi tiết này cho thấy ngay cả khi tồn tại đồng thuận kỹ thuật, cách diễn giải ý định của đối phương vẫn có thể khiến tiến trình giảm nhiệt bị đảo chiều.

“Đồng thuận kỹ thuật” không tự động tạo ra “đồng thuận về ý định”: nếu một bên tin rằng đối phương đang lợi dụng đàm phán để củng cố hiện diện tại vùng xám, thì các tín hiệu rút - giãn lực lượng rất dễ bị đọc thành chiến thuật trì hoãn. Khi đó, bước trung gian (i) trong khung phân tích xảy ra: diễn giải ý định đối phương chuyển sang kịch bản bất lợi, làm giảm hiệu lực của cam kết kiểm chế.

Một cơ chế tâm lý then chốt là “khung mất mát” (loss frame). Theo các lập luận dựa trên lý thuyết triển vọng, khi nhà lãnh đạo cảm nhận nguy cơ mất vị thế, dù là kiểm soát thực địa, uy tín rắn đe hay tính chính danh, họ có xu hướng chấp nhận rủi ro cao hơn để tránh mất mát (Jervis, 2017). Trong trường hợp Galwan, cả Trung Quốc lẫn Ấn Độ đều có cơ sở để nhìn tình hình như một kịch bản mất mát tiềm tàng, khiến các tín hiệu của đối phương dễ bị đọc như hành vi cưỡng ép hơn là phòng thủ.

Trong logic cơ chế, “khung mất mát” là cầu nối trực tiếp từ bước (i) sang bước (ii): khi lãnh đạo tin rằng mình “đang mất nguyên trạng”, họ có động cơ điều chỉnh tính toán và quy tắc tương tác (ROE) theo hướng chủ động/ít kiểm chế hơn nhằm “ngăn mất mát”. Đây là cách các biến tâm lý chuyển hóa thành lựa chọn chiến thuật, chứ không dừng ở mô tả cảm xúc.

Phong cách lãnh đạo cá nhân hóa càng làm bộ lọc nhận thức này trở nên cứng rắn. Dưới thời Tập Cận Bình, vấn đề chủ quyền biên giới gắn chặt với tính chính danh của Đảng và mục tiêu “phục hưng dân tộc”, dẫn tới ưu tiên kiểm soát căng thẳng nhưng tránh nhượng bộ biểu tượng. Ở chiều ngược lại, Narendra Modi đại diện cho phong cách dân tộc chủ nghĩa - dân túy, trong đó lập trường cứng rắn về biên giới trở thành công cụ huy động ủng hộ trong nước (Muratbekova, 2022). Sự kết hợp này khiến các tín hiệu được lọc qua lăng kính nghi ngờ, thu hẹp không gian thỏa hiệp ngay từ cấp nhận thức. Phong cách lãnh đạo không “gây leo thang” trực tiếp, mà làm tăng xác suất hai bước trung gian đầu: (i) ưu tiên diễn giải ý định đối phương theo kịch bản thù địch để bảo toàn tính chính danh; (ii) từ đó chấp nhận thay đổi tính toán/chuẩn kiểm chế trong tương tác thực địa.

Lòng tin mặc định thấp và xu hướng diễn giải thù địch trong tương tác Trung - Ấn

“Lòng tin mặc định” (default trust hay trust propensity) trong tâm lý học chính trị chỉ mức sẵn sàng ban đầu của lãnh đạo trong việc diễn giải hành vi của đối phương theo hướng vô hại hoặc phòng thủ. Khủng hoảng Galwan cho thấy cả Trung Quốc và Ấn Độ đều vận hành với mức lòng tin mặc định thấp, tạo điều kiện cho vòng xoáy diễn giải thù địch và phản ứng đối kháng. Theo logic nhân - quả, lòng tin mặc định thấp trước hết tác động lên bước (i): nó khiến các tín hiệu mơ hồ (tuần tra, dựng trại, điều quân) bị “mã hóa” thành bằng chứng cho ý định xấu. Khi diễn giải ý định đã dịch chuyển, bước (ii) trở nên hợp lý về mặt tâm lý: tăng hiện diện, siết quy tắc tương tác, giảm nhượng bộ chiến thuật để phòng ngừa.

Điều này thể hiện ở xu hướng nhanh chóng quy kết trách nhiệm. Trung Quốc khẳng định Ấn Độ “vượt qua LAC” và “vi phạm đồng thuận”, trong khi Ấn Độ nhấn mạnh rằng đồng thuận giảm leo thang ngày 6/6 đã bị phá vỡ trên thực địa (Ministry of Foreign Affairs, China, 2020; Ministry of External Affairs, India, 2020). Dưới lăng kính tâm lý học, khi hai bên cùng ưu tiên khung quy lỗi thay vì khung “sự cố có thể quản trị”, lòng tin mặc định suy giảm mạnh vì đối phương bị gán ý đồ cố ý.

Lòng tin mặc định thấp làm gia tăng hiện tượng diễn giải thù địch tín hiệu. Những hành vi như tuần tra, dựng trại hay điều quân, dù mang tính phòng thủ theo tự đánh giá dễ bị bên kia đọc thành ép buộc hoặc thay đổi nguyên trạng. Trong bối cảnh “vùng xám” dọc LAC, nơi như Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ thừa nhận tồn tại nhận thức chồng lấn, thiên kiến xác nhận khiến hệ thống ưu tiên kịch bản xấu nhất để hành động phòng ngừa.

Để làm rõ bước (ii) trong cơ chế phân tích, có thể lập luận rằng khi kịch bản bất lợi được ưu tiên trong đánh giá tình hình, lựa chọn “kiềm chế” không còn được hiểu như công cụ ổn định, mà bị tái định nghĩa thành một dạng rủi ro chiến thuật. Trong bối cảnh đó, các hành động vốn được thiết kế nhằm kiểm soát tình huống như tăng cường tuần tra, củng cố chốt, điều chỉnh triển khai hoặc tiếp cận gần hơn tại các điểm tranh chấp được biện minh như những biện pháp phòng ngừa hợp lý. Tuy nhiên, chính sự gia tăng các biện pháp phòng ngừa này lại làm tăng mật độ tiếp xúc và xác suất va chạm ngoài ý muốn, qua đó góp phần chuyển hóa diễn giải thù địch thành tương tác đối đầu trên thực địa.

Lòng tin mặc định thấp gắn chặt với áp lực uy tín. Khi đối phương bị coi là không đáng tin, nhượng bộ dễ bị diễn giải như yếu kém và khuyến khích thử thách tiếp theo. Điều này lý giải vì sao sau Galwan, Ấn Độ nhanh chóng triển khai các biện pháp “chi phí hóa” quan hệ, bao gồm việc cấm hàng loạt ứng dụng Trung Quốc như TikTok và WeChat (Fernandez, 2020). Ngay cả khi đối thoại tiếp tục, các vòng đàm phán chủ yếu nhằm quản lý thiệt hại hơn là khôi phục lòng tin, một trạng thái điển hình của tương tác khi lòng tin mặc định đã rơi xuống mức thấp.

Gắn với biến phụ thuộc “ngờ vực kéo dài” của khung phân tích, các biện pháp “chi phí hóa” không đơn thuần là phản ứng tức thời trước khủng hoảng, mà trở thành cơ chế cố định hóa quỹ đạo đối đầu. Khi chính sách đối ngoại được tái cấu trúc theo hướng gia tăng chi phí và giảm phụ thuộc, không gian tái thiết lòng tin bị thu hẹp đáng kể. Do đó, ngay cả khi các kênh đối thoại và CBMs tiếp tục tồn tại về mặt hình thức, tương tác song phương có xu hướng chuyển từ mục tiêu khôi phục lòng tin sang quản lý thiệt hại, qua đó duy trì trạng thái ngờ vực bền vững sau khủng hoảng.

Cảm xúc chính trị và thiên kiến nhận thức trong quá trình leo thang xung đột

Cảm xúc chính trị, danh tiếng quốc gia và sự cứng rắn hóa phản ứng chính sách

Dưới góc độ tâm lý học chính trị, leo thang tại Galwan không chỉ xuất phát từ tương tác quân sự trên thực địa, mà còn được thúc đẩy bởi cảm xúc chính trị lan tỏa trong giới tinh hoa và công chúng, từ đó tạo áp lực “không thể mềm” lên người ra quyết định. Trong khủng hoảng, cảm xúc không vận hành như yếu tố phụ, mà định hình ranh giới của những lựa chọn chính sách được coi là chấp nhận được. Khi tình huống được tri nhận như mối đe dọa trực tiếp tới chủ quyền và uy tín quốc gia, các nhà lãnh đạo có xu hướng ưu tiên những phản ứng thể hiện quyết tâm, ngay cả khi điều đó làm thu hẹp dư địa thỏa hiệp.

Đây chính là bước trung gian (iii): cảm xúc chính trị, danh tiếng quốc gia và áp lực xã hội cùng vận hành theo hướng làm “đóng” không gian kiềm chế. Ngay cả khi các tính toán chiến lược ban đầu vẫn còn dư địa kiểm soát, thương vong và sự phẫn nộ của công chúng có thể khiến lựa chọn xuống thang trở nên tốn kém về mặt chính trị. Hệ quả là các điều

chính chiến thuật ở bước (ii) được chuyển hóa thành leo thang thực địa và sự cứng rắn hóa quan hệ song phương sau khủng hoảng.

Cú sốc lớn nhất của Galwan nằm ở thương vong nghiêm trọng, được các nguồn quốc tế mô tả là lần đầu có tử vong quy mô lớn sau nhiều thập kỷ giữa Trung Quốc và Ấn Độ (Tibetan Review, 2022). Về mặt tâm lý học, con số thương vong không chỉ là dữ kiện quân sự, mà là “kích hoạt cảm xúc” tạo ra giận dữ, đau thương và đặc biệt là cảm giác bị xúc phạm danh dự quốc gia. Những cảm xúc này nhanh chóng làm gia tăng chi phí chính trị của việc xuống thang, bởi nhượng bộ có thể bị diễn giải là không bảo vệ được sinh mạng binh sĩ và chủ quyền.

Áp lực cảm xúc gắn chặt với biến số danh tiếng quốc gia. Trong tâm lý học chính trị, danh tiếng không chỉ là hình ảnh đối ngoại mà còn là tài sản biểu tượng phục vụ tính chính danh đối nội. Sau Galwan, Chính phủ Ấn Độ ban hành lệnh cấm 59 ứng dụng có nguồn gốc Trung Quốc, viện dẫn lý do “phương hại đến chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, quốc phòng và an ninh nhà nước” theo Điều 69A của Đạo luật CNTT (PIB Delhi, 2020; Phartiyal, 2021). Dưới lăng kính tâm lý học, chuỗi chính sách này vừa mang tính công cụ, vừa là tín hiệu cảm xúc - chính trị nhằm chuyển hóa phần nộ xã hội thành hành động kiểm soát được, qua đó đáp ứng yêu cầu cứng rắn mà không vượt ngưỡng xung đột quân sự.

Ở phía Trung Quốc, việc công bố thương vong và tôn vinh “anh hùng biên giới” vào năm 2021 cũng phản ánh nhu cầu quản trị cảm xúc và danh tiếng, đồng thời kiểm soát khung diễn giải về Galwan (Al Jazeera, 2021; Zhang, 2021). Khi danh tiếng quốc gia gắn chặt với hình ảnh bảo vệ chủ quyền, dư địa thỏa hiệp của lãnh đạo bị thu hẹp bởi chính kỳ vọng cảm xúc mà nhà nước nuôi dưỡng.

Gắn với biến phụ thuộc của khung phân tích, các động thái quản trị cảm xúc và danh tiếng không chỉ là phản ứng ngắn hạn, mà góp phần tạo ra một quỹ đạo ngờ vực bền vững. Một khi nhà nước đã chính thức hóa tự sự về hy sinh và bảo vệ chủ quyền, việc quay trở lại hợp tác dễ bị xem là phủ định những giá trị đã được khẳng định. Do đó, ngay cả khi các kênh đối thoại và cơ chế kiểm soát xung đột vẫn tồn tại, không gian tái thiết lòng tin bị thu hẹp đáng kể, và quan hệ song phương có xu hướng ổn định ở trạng thái ngờ vực kéo dài.

Thiên kiến nhận thức và cơ chế “khóa khung thù địch” trong leo thang xung đột Galwan

Trong nghiên cứu chính trị quốc tế, Jack S. Levy chỉ ra rằng sai lệch tri nhận (misperception) giữa các chủ thể là một nguồn gốc cấu trúc của leo thang xung đột, khi các nhà lãnh đạo đánh giá sai ý định và năng lực của đối phương (Schnakenberg & Wayne, 2024). Trường hợp Galwan cung cấp một bối cảnh điển hình để các thiên kiến nhận thức vận hành đồng thời: không gian “vùng xám” dọc Đường Kiểm soát Thực tế (LAC), thông tin bất cân xứng, áp lực thời gian cao và ràng buộc chính trị nội bộ khiến giới lãnh đạo có xu hướng ưu tiên kịch bản xấu nhất trong đánh giá tình hình.

Các thiên kiến có thể được phân loại theo ba bước trung gian trong cơ chế leo thang. Thứ nhất, thiên kiến ở cấp độ diễn giải ý định, bao gồm thiên kiến xác nhận (confirmation bias) và xu hướng quy kết ý định thù địch (hostile attribution bias), khiến các tín hiệu mơ hồ bị đọc thành bằng chứng của hành vi cố ý. Thứ hai, thiên kiến ở cấp độ lựa chọn hành động, đặc biệt là ác cảm với mất mát và hiệu ứng khung (loss frame), làm gia tăng mức chấp nhận rủi ro và khiến việc điều chỉnh quy tắc tương tác (ROE) theo hướng giảm kiểm chế trở nên hợp lý về mặt tâm lý. Thứ ba, thiên kiến ở giai đoạn hậu khủng hoảng, trong đó thiên lệch tiêu cực (negativity bias) và chi phí danh tiếng làm gia tăng khó khăn trong việc tái diễn giải thiện chí, qua đó kéo dài trạng thái ngờ vực.

Thiên kiến đầu tiên là thiên kiến xác nhận (confirmation bias). Trong khủng hoảng, các tác nhân có xu hướng tiếp nhận và diễn giải thông tin theo cách củng cố niềm tin sẵn có rằng đối phương mang ý đồ thù địch. Tại Galwan, cả Trung Quốc và Ấn Độ nhanh chóng khóa vào các câu chuyện quy lỗi. Trung Quốc nhấn mạnh rằng Ấn Độ “vượt qua LAC”, “phá vỡ đồng thuận” và “tấn công khiêu khích”, trong khi phía Ấn Độ nhấn mạnh rằng hai bên đã đạt đồng thuận giảm nhiệt nhưng thực địa lại diễn biến theo hướng bạo lực nghiêm trọng. Khi các khung diễn giải này được cố định, mọi tín hiệu tiếp theo từ tuần tra, dừng trại đến dịch chuyển lực lượng đều bị “lọc” qua giả định thù địch, làm suy giảm mạnh khả năng diễn giải thiện chí.

Thiên kiến thứ hai là ác cảm với mất mát và hiệu ứng khung, được phân tích thông qua lý thuyết triển vọng. Các nghiên cứu cho thấy các tác nhân nhạy cảm hơn nhiều với nguy cơ mất mát so với triển vọng đạt lợi ích, và khi bị đặt trong “khung mất mát”, họ có xu hướng chấp nhận rủi ro cao hơn (Carlson & Dacey, 2014). Trong tranh chấp lãnh thổ, khi lãnh đạo tin rằng mình đang “mất” quyền kiểm soát thực địa, uy tín rạn vỡ hoặc nguyên trạng, kiểm chế dễ bị diễn giải như chấp nhận thua thiệt biểu tượng. Nghiên cứu của Zhou và Weintraub (2023) cho thấy đóng khung tình huống như một kịch bản mất mát làm gia tăng đáng kể mức chấp nhận rủi ro trong các tranh chấp lãnh thổ. Ở Galwan, logic này khiến nhượng bộ bị mã hóa như “mất mát dài hạn” hơn là “đổi lấy ổn định ngắn hạn”, trực tiếp thu hẹp không gian thỏa hiệp.

Thiên kiến thứ ba là xu hướng quy kết ý định xấu (hostile attribution bias) kết hợp với thiên lệch tiêu cực (negativity bias). Trong quan hệ đối đầu, thông tin tiêu cực thường được coi là đáng tin và có trọng số cao hơn thông tin tích cực. Các nghiên cứu về thiên lệch tiêu cực cho thấy các tác nhân có xu hướng phản ứng mạnh hơn với tín hiệu tiêu cực và mặc định diễn giải hành vi của đối phương theo kịch bản xấu (Johnson & Tierney, 2019). Khi gắn với khác biệt nhận thức về LAC, thiên lệch này làm tăng nguy cơ diễn giải các hoạt động tuần tra hay dừng trại như xâm nhập có chủ đích, tạo điều kiện cho vòng xoáy leo thang: mỗi bên tăng cường hiện diện để “phòng ngừa”, trong khi đối phương lại đọc đó là “tấn công”.

Sự kết hợp của các thiên kiến trên tạo ra một cơ chế “khóa khung thù địch”. Khi giới lãnh đạo đã cam kết vào một diễn giải rằng đối phương cố ý vi phạm và không đáng tin, việc điều chỉnh lập trường trở nên tốn kém về mặt danh tiếng và chính trị. Nhượng bộ không còn được xem là lựa chọn kỹ thuật nhằm giảm căng thẳng, mà bị hiểu như sự suy yếu chủ quyền. Do đó, ngay cả khi các kênh đàm phán vẫn tồn tại, chúng chủ yếu phục vụ quản lý sự cố hơn là tái thiết lòng tin thực chất.

Cơ chế “khóa khung thù địch” vì vậy giải thích tại sao sau Galwan, quan hệ Trung - Ấn không quay trở lại trạng thái tin cậy trước đó, mà ổn định ở một mức ngò vực cao hơn. Các CBMs không bị xóa bỏ về mặt hình thức, nhưng bị suy yếu về thực chất, do nền tảng diễn giải thiện chí đã bị bào mòn bởi chuỗi thiên kiến nhận thức và chi phí danh tiếng tích lũy trong khủng hoảng.

Kết luận

Galwan cho thấy lòng tin trong quan hệ quốc tế có thể thất bại không phải vì thiếu cơ chế, mà vì cơ chế vận hành trong một môi trường “lệch pha liên tầng”: tính toán chiến lược, tự sự chủ quyền và bộ lọc nhận thức - cảm xúc dịch chuyển đồng thời theo hướng ngò vực, khiến ngay cả những tín hiệu ổn định cũng bị tái mã hóa thành đe dọa. Trên thực địa, sự mơ hồ của Đường Kiểm soát Thực tế (LAC) và cạnh tranh năng lực khiến mỗi bên có động cơ phòng ngừa rủi ro bằng cách điều chỉnh hiện diện và quy tắc tương tác; ở tầng xã hội, diễn ngôn chủ quyền và cấu trúc “Cái tôi - Kẻ khác” làm suy yếu giả định thiện chí tối thiểu; và ở tầng tâm lý, khung mất mát cùng thiên kiến quy kết ý đồ xấu làm gia tăng xác suất lựa chọn hành động cứng rắn (Jervis, 2017; Johnson & Tierney, 2019). Khi ba tầng này hội tụ, các CBMs không “biến mất” về mặt hình thức, nhưng mất tác dụng như công cụ giảm bất định và ngăn sự cố vượt ngưỡng (Haukkala et al., 2018).

Đóng góp học thuật của bài viết nằm ở việc chuyển trọng tâm từ mô tả “lòng tin suy giảm” sang giải thích cơ chế nhân - quả của sự đứt gãy liên tầng. So với cách tiếp cận duy lý nhấn mạnh răn đe và thiết kế thể chế (Kydd, 2005; Mearsheimer, 2013), nghiên cứu cho thấy các biến vật chất là điều kiện quan trọng nhưng không đủ để lý giải vì sao một số khủng hoảng leo thang tới thương vong nghiêm trọng. So với tiếp cận kiến tạo tập trung vào bản sắc và tự sự liên chủ thể (Adler & Barnett, 1998), bài viết chỉ ra rằng bản sắc và tranh chấp chủ quyền có thể tồn tại lâu dài mà chưa tất yếu tạo ra “điểm gãy”; điều quyết định là khi tự sự được kích hoạt trong bối cảnh nhận thức bi quan và áp lực danh tiếng cao. So với tâm lý học chính trị coi lòng tin là khuynh hướng nhận thức - cảm xúc của lãnh đạo (Mercer, 2005; Rathbun, 2011), nghiên cứu làm rõ cách các bộ lọc tâm lý tương tác với cấu trúc vùng xám và diễn ngôn xã hội để biến lựa chọn chiến thuật thành leo thang thực địa.

Từ trường hợp Galwan, khung tích hợp “lòng tin - ngờ vực” vì vậy đóng góp cho nghiên cứu lòng tin trong quan hệ quốc tế theo hai hướng. Thứ nhất, nó nhấn mạnh lòng tin không phải biến số đơn tầng, mà là trạng thái liên kết giữa (i) diễn giải ý định đối phương, (ii) tính toán chiến lược/chuẩn kiểm chế, và (iii) cảm xúc - danh tiếng trong chính trị nội bộ. Thứ hai, nó chỉ ra một hệ quả quan trọng: khi ngờ vực đã hình thành như một cơ chế liên tầng, các thể chế kiểm soát xung đột có xu hướng chuyển từ “ngăn leo thang” sang “quản lý thiệt hại”, khiến ngờ vực kéo dài ngay cả sau khi va chạm lắng xuống (Haukkala et al., 2018).

Giá trị khái quát của khung này không dừng ở Galwan. Trong các điểm nóng nơi đường ranh giới mơ hồ, cạnh tranh chiến lược cao và môi trường truyền thông số khuếch đại cảm xúc, khung “lòng tin - ngờ vực” giúp nhận diện sớm những điều kiện mà dưới đó tín hiệu ổn định bị tái diễn giải thành đe dọa, và CBMs bị “rỗng hóa” về thực chất. Do đó, bài viết không chỉ giải thích một biến cố biên giới, mà còn cung cấp một công cụ phân tích để hiểu vì sao kiểm soát leo thang có thể mất hiệu lực trong các xung đột hiện đại khi sự đứt gãy liên tầng của lòng tin đã diễn ra.

Tài liệu tham khảo

- Adler, E., & Barnett, M. (1998). A framework for the study of security communities. In E. Adler & M. Barnett (Eds.), *Security communities* (pp. 29-65). Cambridge University Press.
- Hoffmann, S. A. (1990). *India and the China crisis*. University of California Press.
- Hardin, R. (1993). The street-level epistemology of trust. *Politics & Society*, 21(4), 505-529. <https://doi.org/10.1177/0032329293021004004>
- Chilton, P., & Lakoff, G. (1995). Metaphor in foreign policy discourse. In C. Schaffner & A. Wenden (Eds.), *Language and peace* (pp. 37-59). Dartmouth.
- Hardin, R. (2002). *Trust and trustworthiness*. Russell Sage Foundation. <https://doi.org/10.4324/9781315542294-2>
- Hoffman, A. M. (2002). A conceptualization of trust in international relations. *European Journal of International Relations*, 8(3), 375-401. <https://doi.org/10.1177/1354066102008003003>
- Booth, K., & Wheeler, N. J. (2008). *The security dilemma: Fear, cooperation, and trust in world politics*. Palgrave Macmillan.
- Hollis, M. (1998). *Trust within reason*. Cambridge University Press.
- Brugger, P., Hasenclever, A., & Kasten, L. (2013). Theorizing the impact of trust on post-agreement negotiations: The case of Franco-German security relations. *International Negotiation*, 18(3), 441-469. <https://doi.org/10.1163/15718069-12341262>
- Lebow, R. N. (2013). The role of trust in international relations. *Global Asia*, 8(3), 16-23.

- Mearsheimer, J. J. (2013). Structural realism. In T. Dunne, M. Kurki, & S. Smith (Eds.), *International relations theories: Discipline and diversity* (pp. 75-93). Oxford University Press.
- Keating, V. C., & Ruzicka, J. (2014). Trusting relationships in international politics: No need to hedge. *Review of International Studies*, 40(4), 753-770. <https://doi.org/10.1017/S0260210514000059>
- Carlson, L. J., & Dacey, R. (2014). The use of fear and anger to alter crisis initiation. *Conflict Management and Peace Science*, 31(2), 168-192. <https://doi.org/10.1177/0738894213509950>
- Brugger, P. (2015). Trust as a discourse: Concept and measurement strategy – First results from a study on German trust in the USA. *Journal of Trust Research*, 5(1), 78-100. <https://doi.org/10.1080/21515581.2015.1014912>
- Weinhardt, C. (2015). Relational trust in international cooperation: The case of North-South trade negotiations. *Journal of Trust Research*, 5(1), 27-54. <https://doi.org/10.1080/21515581.2015.1014906>
- Jervis, R. (2017). Prospect theory: The political implications of loss aversion. In *How statesmen think* (pp. 85-104). Princeton University Press. <https://doi.org/10.1515/9781400885336-006>
- Haakkala, H., van de Wetering, C., & Vuorelma, J. (Eds.). (2018). *Trust in international relations: Rationalist, constructivist, and psychological approaches* (1st ed.). Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781315209838>
- Johnson, D. D. P., & Tierney, D. (2019). Bad world: The negativity bias in international politics. *International Security*, 43(3), 96-140. https://doi.org/10.1162/isec_a_00336
- Bharadwaj, S. (2020). India to complete construction of strategic road in Ladakh by year end. OpIndia. <https://www.opindia.com/2020/06/india-to-complete-the-construction-of-strategic-darbuk-shyok-daulat-beg-oldie-dsdbo-road-in-ladakh-by-year-end-read-details/>
- Embassy of the People's Republic of China in India. (2020). Foreign ministry spokesperson gave a step-by-step account of the Galwan Valley incident. https://in.china-embassy.gov.cn/eng/gdxw/202006/t20200620_2144939.htm
- Fernandez, M. (2020). Indian government bans 59 Chinese-owned apps, including TikTok. Axios. <https://www.axios.com/2020/06/29/india-china-tiktok-apps>
- Ghosh, D. (2020). India-China clash in Ladakh explained through satellite images. NDTV. <https://www.ndtv.com/india-news/india-china-ladakh-face-off-india-china-clash-in-ladakh-explained-through-satellite-maps-2247977>
- Global Times. (2020). China issues statement on border clash, proving Indian troops were fully responsible. <https://www.globaltimes.cn/content/1192629.shtml>
- Government of India, Ministry of Defence. (2020). Text of Raksha Mantri Shri Rajnath Singh's statement in Rajya Sabha. Press Information Bureau. <https://www.pib.gov.in/Pressreleaseshare.aspx?PRID=1655521>

- Gupta, N. (2020). Chinese social media deletes PM Modi, MEA's statements on India-China standoff. India Today. <https://www.indiatoday.in/india/story/embassy-officials-say-chinese-media-has-deleted-pm-mea-s-statements-on-india-china-standoff-1691043-2020-06-20>
- Haidar, S. (2020). Chinese troops tried to change status quo: India. The Hindu. <https://www.thehindu.com/news/national/chinese-troops-tried-to-change-status-quo-mea/article31848316.ece>
- Li, J. (2020). Chinese military demands Indian border troops stop infringing and provocative actions. Ministry of National Defense of the People's Republic of China. http://eng.mod.gov.cn/xb/News_213114/TopStories/4866818.html
- Mason, S. (2020). India's Pangong pickle: New Delhi's options after its clash with China. War on the Rocks. <https://warontherocks.com/2020/07/indias-pangong-pickle-new-delhis-options-after-its-clash-with-china/>
- Ministry of External Affairs, Government of India. (2020). Phone call between External Affairs Minister, Dr. S. Jaishankar and Foreign Minister of China, H.E. Mr. Wang Yi [Press release]. https://www.mea.gov.in/press-releases.htm?dtl/32765/Phone_call_between_External_Affairs_Minister_Dr_S_Jaishankar_and_Foreign_Minister_of_China_HE_Mr_Wang_Yi
- Ministry of Foreign Affairs People's Republic of China. (2020). Foreign Ministry Spokesperson Zhao Lijian's Regular Press Conference on June 17, 2020. https://www.mfa.gov.cn/eng/xw/fyrbt/lxjzh/202405/t20240530_11346818.html
- Patranobis, S. (2020). India posts PM Modi's remarks on Ladakh face-off, China's WeChat app deletes it. Hindustan Times. <https://www.hindustantimes.com/india-news/chinese-social-media-deletes-modi-s-speech-india-s-statement-on-border-row/story-j53yLW7WpXFpKOHxlrMgVP.html>
- Peri, D. (2020, July 7). After Chinese pullback, Indian troops also move 1.5 km away from Galwan Valley clash site. The Hindu. <https://www.thehindu.com/news/national/after-chinese-pullback-indian-troops-also-move-15-km-away-from-galwan-valley-clash-site-official/article32009878.ece>
- Philip, S. A. (2020). How Indian troops chased the Chinese for a kilometre over LAC in Galwan on 15 June night. ThePrint. <https://theprint.in/defence/how-indian-troops-chased-the-chinese-for-a-kilometre-over-lac-in-galwan-on-15-june-night/446996/>
- Press Information Bureau, Government of India. (2020). Government bans 59 mobile apps which are prejudicial to sovereignty and integrity of India, defence of India, security of state and public order. <https://www.pib.gov.in/PressReleasePage.aspx?PRID=1635206>
- Singh, S. (2020). Line of Actual Control (LAC): Where it is located, and where India and China differ. The Indian Express.
- Tikku, A. (2020). "Exaggerated": India's late-night rebuttal to China's new claim over

- Galwan Valley. Hindustan Times. <https://www.hindustantimes.com/india-news/in-rebuttal-at-midnight-india-calls-china-claim-over-galwan-untenable/story-vHFNgMuji6TNezyjFNskN.html>
- Zhou, J. (2020). India urged to halt border violation. China Daily. <https://www.chinadaily.com.cn/a/202006/17/WS5ee9503ca3108348172537c3.html>
- Jazeera, A. (2021). China admits it lost four soldiers in 2020 India border clash. Al Jazeera. <https://www.aljazeera.com/news/2021/2/19/china-admits-it-lost-four-soldiers-in-2020-india-border-clash>
- Phartiyal, S. (2021). India retains ban on 59 Chinese apps, including TikTok. Reuters. <https://www.reuters.com/article/technology/india-retains-ban-on-59-chinese-apps-including-tiktok-idUSKBN29U2G6/>
- Tone, S. (2021). Weibo influencer banned, detained for slandering Galwan Valley martyrs. Sixth Tone. <https://www.sixthtone.com/news/1006869>
- Zheng, H. (2021). China-India relations: How different perceptions shape the future. Institute of South Asian Studies (ISAS), National University of Singapore. <https://www.isas.nus.edu.sg/papers/china-india-relations-how-different-perceptions-shape-the-future/>
- Deuskar, N. (2022). Why accepting “differing perceptions” on the LAC might be hurting India strategically. Scroll.in. <https://scroll.in/article/1040350>
- Muratbekova, A. (2022). Leadership styles of Xi Jinping and Narendra Modi: Impact on the border issue. *Eurasian Research Journal*, 4(3), 23-38. <https://doi.org/10.53277/2519-2442-2022.3-02>
- Tibetan Review. (2022). Galwan decoded: At least 42, not 4, Chinese soldiers died in June 2020 night clash with Indian troops. <https://www.tibetanreview.net/galwan-decoded-at-least-42-not-4-chinese-soldiers-died-in-jun-2020-night-clash-with-indian-troops/>
- Wrighton, S. (2022). Trust in international relations, public diplomacy and soft power: A review of the literature and data. British Council. https://www.britishcouncil.org/sites/default/files/trust_in_international_relations_public_diplomacy_and_soft_power.pdf
- International Crisis Group. (2023). Thin ice in the Himalayas: Handling the India-China border dispute. <https://www.crisisgroup.org/rpt/asia/south-asia/india-china/334>
- Ramachandran, S. (2023). 3 years after the India-China face-off at Galwan Valley. *The Diplomat*. <https://thediplomat.com/2023/06/3-years-after-the-india-china-face-off-at-galwan-valley/>
- Thomas, C. J., & Haans, F. J. (2023). Great power competition: BRI vs. the B3W. *World Affairs: The Journal of International Issues*, 27(4), 10-21. <https://www.jstor.org/stable/48761464>
- Verma, R. (2023). India’s economic decoupling from China: A critical analysis. *Asia Policy*, 18(1), 143-166. <https://www.jstor.org/stable/27254620>

- Zhou, A., Goemans, H. E., & Weintraub, M. (2023). Sources of risk acceptance in territorial disputes (SSRN Working Paper). <https://doi.org/10.2139/ssrn.4422049>
- Chatterjee, A. (2024). Authenticity during conflict reporting: The China-India border clash in the Indian press. *Media Watch*, 15(1), 10-29. <https://doi.org/10.1177/09760911231215171>
- Kumar Mahla, P. (2024). Navigating borders and waters: India-China border disputes and the complexities of transboundary river management. *OASIS*, 40, 211-230. <https://doi.org/10.18601/16577558.n40.10>
- Ministry of External Affairs, Government of India. (2024). Statement by external affairs minister Dr. S. Jaishankar in Rajya Sabha. https://www.mea.gov.in/Speeches-Statements.htm?dtl/38670/Statement_by_External_Affairs_Minister_Dr_S_Jaishankar_in_Rajya_Sabha
- Schnakenberg, K. E., & Wayne, C. N. (2024). Anger and political conflict dynamics. *American Political Science Review*, 118(3), 1-16. <https://doi.org/10.1017/S0003055424000078>
- Bajpai, K. (2025). China and India: More new diplomacy. In *China and India: More new diplomacy*. Springer. https://doi.org/10.1007/978-981-96-5666-0_34
- Banerjee, A. (2025). India upgrading 255-km key Ladakh road to counter China. *The Tribune*. <https://www.tribuneindia.com/news/india/india-upgrading-255-km-key-ladakh-road-to-counter-china/>
- Singh, R. (2026). An expert explains the LAC issue: “The Chinese are using ambiguity on the LAC... as a major pressure point against us.” *The Indian Express*. <https://indianexpress.com/article/explained/china-lac-arunachal-pradesh-claims-history-border-expert-10458694/>